

Số: **03** /2021/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày **25** tháng **6** năm 2021

THÔNG TƯ

**Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi
hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
chuyên ngành Thông tin và Truyền thông**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I, từ hạng III lên hạng II và từ hạng IV lên hạng III (nếu có); nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm:

a) Biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 04 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức danh viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên và đạo diễn truyền hình thuộc ngành thông tin và truyền thông (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV);

b) An toàn thông tin, quản trị viên hệ thống, kiểm định viên công nghệ thông tin, phát triển phần mềm quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT

ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT) và Thông tư số 02/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2018/TT-BNV);

c) Âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim quy định tại Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông (sau đây viết tắt là Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT) và Thông tư số 05/2018/TT-BNV ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2018/TT-BNV).

Các viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm a, b và c khoản này gọi chung là viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

2. Nội dung, hình thức và việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 06/2020/TT-BNV).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Việc cử viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm,

cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng theo quy định của pháp luật.

3. Việc tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông phải bảo đảm bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng

Viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông được cử dự thi thăng hạng khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Được cấp có thẩm quyền cử dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

2. Đang giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông hạng thấp hơn liền kề với hạng dự thi quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV; Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT và Thông tư số 02/2018/TT-BNV; Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT và Thông tư số 05/2018/TT-BNV.

3. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề với năm nộp hồ sơ dự thi thăng hạng; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức).

4. Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi thăng hạng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV; Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT và Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 5. Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề để dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Thông tin và Truyền thông

1. Viên chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng II hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề của hạng chức danh nghề nghiệp dự thi tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2. Viên chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề của hạng chức danh nghề nghiệp dự thi tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

3. Viên chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV hoặc tương đương tối thiểu là 02 năm đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ cao đẳng trở lên, 03 năm đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề của hạng chức danh nghề nghiệp dự thi tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Điều 6. Tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng

Viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghề nghiệp được cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Có thành tích xuất sắc như sau:

a) Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ hạng II lên hạng I: Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng II được khen thưởng Huân chương lao động hạng Ba trở lên hoặc đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc;

b) Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II: Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III được khen thưởng Bằng khen Thủ